

Bản án số 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 3 - 2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: tổ 12, ấp TH B2, xã LA, thị xã TC, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang Khải, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp GH, xã TAKĐg, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh K tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông. Quá trình chung thời gian đầu hạnh phúc. Nhưng từ giữa năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh K không cố gắng làm, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên, nhưng anh K không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2022. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Trần Võ Quang T1, sinh ngày 17/01/2018 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Trần Quang K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Trần Quang K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2017, chị T với anh K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh K được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định, quá trình chung sống vợ chồng đã có những mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nhưng anh K không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T với anh K đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu T1 đã hơn 07 tuổi hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh K không có ý kiến. Xét thấy: Cháu T1 đang sống ổn định bên chị T, có điều kiện phát triển bình thường về tâm sinh lý. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu T1 thì cháu muốn sống với mẹ. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu T1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh K không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Quang K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Quang T1, sinh ngày 17/01/2018 cho chị Võ Thị Cẩm T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quang K không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Võ Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002449 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Võ Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Nguyễn Văn Hiến

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Cẩm Thu, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Tân Hậu B2, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang Khải, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp Gành Hào, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Về căn cứ và áp dụng điều luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về quan điểm xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm Thu.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Cẩm Thu được ly hôn với anh Trần Quang Khải.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Quang Trung, sinh ngày 17/01/2018 cho chị Võ Thị Cẩm Thu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quang Khải không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

3. Về án phí dân sự: Chị Võ Thị Cẩm Thu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002449 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Võ Thị Cẩm Thu đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiến

Tạ Thanh Bự

Trương Minh Thịnh